TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo.

Bà Bùi Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hứa Văn Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị X, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hứa Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn Đ kết hôn với chị Dương Thị X vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại

Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, ban đầu tình cảm vợ chồng đối xử với nhau bình thường. Quá trình chung sống đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh Đ trình bày là anh Hứa Văn Đ phát hiện chị Dương Thị X có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Mặc dù anh Hứa Văn Đ đã khuyên bảo nhiều lần và nhờ hai bên gia đình khuyên bảo chị X nhưng chị X không chịu nghe, do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng anh Đ, chị X đã sống ly thân với nhau từ ngày 16/3/2021 đến nay. Chị Dương Thị X hiện đang đi làm công ty, thi thoảng chị X mới về thăm các con, đến nay anh Đ và chị X không còn ai quan tâm đến ai, không liên lạc gì với nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh Hứa Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Dương Thị X.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Hứa L.A, sinh ngày 30/3/2009 và Hứa Thị N.A, sinh ngày 18/10/2010, hiện nay vẫn ở cùng với anh Đ. Khi ly hôn anh Hứa Văn Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, chị Dương Thị X không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn P, xã T, huyện B và xác minh tại Công an xã T, huyện B. Đại diện thôn P, xã T và Công an xã T đều khẳng định chị Dương Thị X vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thỉnh thoảng chị X vẫn về thăm con. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật chị X biết. Tuy nhiên, chị Dương Thị X vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Dương Thị X không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Hứa Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Hứa Văn Đ đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ

thẩm. Bị đơn chị Dương Thị X vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Hứa Văn Đ được ly hôn với chị Dương Thị X. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Hứa L.A, sinh ngày 30/3/2009 và Hứa Thị N.A, sinh ngày 18/10/2010 cho anh Hứa Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Dương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Về án phí, buộc nguyên đơn Hứa Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Hứa Văn Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Dương Thị X có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn chị Dương Thị X vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị X là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn Đ và chị Dương Thị X kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B vào ngày 12/01/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Hứa Văn Đ và chị Dương Thị X là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn theo anh Định khai là do chị Dương Thị X có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng anh Đ và chị X đã sống ly thân từ ngày 16/03/2021 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa anh Hứa Văn Đ và chị Dương Thị X thấy rằng: Chị Dương Thị X không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến về việc anh Hứa Văn Đ có đơn xin ly hôn với chị. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh Hứa Văn Đ và chị Dương Thị X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Anh Hứa Văn Đ yêu cầu xin ly hôn với chị Dương Thị X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy. Hai cháu đang chung sống cùng với anh Đ, anh Đ yêu cầu được nuôi cả hại con, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các cháu, trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị X vắng mặt, không có ý kiến gì nên yêu cầu về nuôi con chung của anh Hứa Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận. Do đó, cần giao con chung là cháu Hứa L.A, sinh ngày 30/3/2009 và cháu Hứa Thị N.A, sinh ngày 18/10/2010 cho anh Hứa Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không có yêu cầu. Chị Dương Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị X vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh Hứa Văn Đ trình bày là không có; quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị X vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phì Tòa án, buộc anh Hứa Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 89, 91, 92, 94 của luật Hôn nhân gia định năm 2000; Điều 51, khoản 1, Điều 56 các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Hứa Văn Đ. Anh Hứa Văn Đ được ly hôn với chị Dương Thị X.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hứa L.A, sinh ngày 30/3/2009 và Hứa Thị N.A, sinh ngày 18/10/2010 cho anh Hứa Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Dương Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Hứa Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Hứa Văn Đ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002894 ngày 16/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Hứa Văn Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Dương Thị X vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã T, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Đức